

TCVN 269 : 1986

MÁY BÀO NGANG - KÍCH THƯỚC CƠ BẢN

Shaper - Basic Dimensions

Lời nói đầu

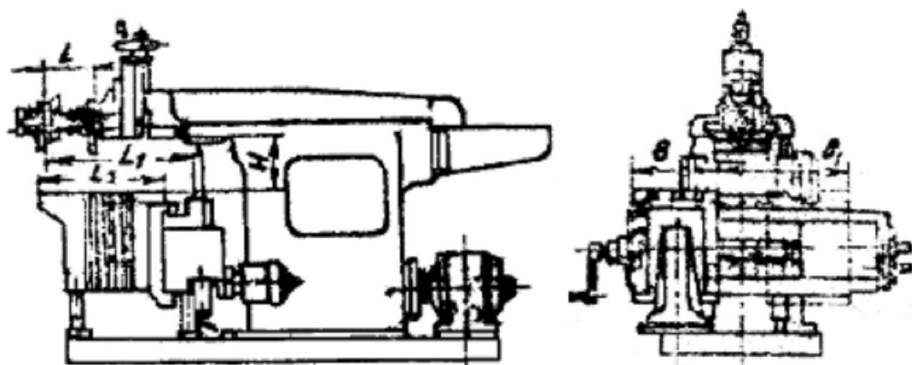
TCVN 268 : 1986 do Viện máy công cụ và dụng cụ - Bộ cơ khí và luyện kim biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trình duyệt, Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước (nay là Bộ khoa và học và Công nghệ) ban hành;

Tiêu chuẩn này được chuyển đổi năm 2008 từ Tiêu chuẩn Việt Nam cùng số hiệu thành Tiêu chuẩn Quốc gia theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Máy bào ngang - Kích thước cơ bản

Shaper - Basic dimensions

- 1 Tiêu chuẩn này áp dụng cho máy bào ngang thông dụng.
- 2 Kích thước cơ bản của máy bào ngang phải theo chỉ dẫn trên Hình 1 và trong Bảng 1.
- 3 Kích thước H, B, L2 không áp dụng trên máy có bàn xoay vạn năng.
- 4 Kích thước rãnh trên bàn và khoảng cách giữa các rãnh theo TCVN 2133 : 1977; TCVN 2134 : 1977.



Hình 1

CHÚ THÍCH: Hình vẽ không quy định kết cấu máy.

Bảng 1

Kích thước tính bằng milimet

Tên các kích thước cơ bản		Trị số				
Khoảng chạy danh nghĩa lớn nhất L của đầu bào		200	320	500	710	1000
Khoảng cách lớn nhất L1 từ mặt tựa của dao đến thân máy, không nhỏ hơn		250	400	560	800	1120
Dài chỗ ngang lớn nhất B1 của bàn, không nhỏ hơn		250	360	500	650	800
Khoảng cách lớn nhất N giữa mặt làm việc của bàn và đầu bàn, không nhỏ hơn		200	300	400	(400) 450	500
Kích thước mặt làm việc của bàn	Chiều rộng B	200	280	360	450	560
	Chiều dài B2	200	320	500	710	1000
Tiết diện lớn nhất của dao, không nhỏ hơn		20 x 12	25 x 16	32 x 20	40 x 25	40 x 25

CHÚ THÍCH: Kích thước trong ngoặc không áp dụng khi thiết kế mới.